

Số: 24 /KH-BCĐ

Kiên Giang, ngày 17 tháng 02 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/ 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 06-CTr/TU ngày 08/3/2016 thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu quốc gia tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011-2015

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU (khoá IX) ngày 27/02/2013 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo, đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Đến cuối năm 2015 có 18/118 xã và huyện Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 16,1%); bình quân toàn tỉnh đạt 13,5 tiêu chí/xã, tăng 8 tiêu chí (riêng 35 xã giai đoạn 2011-2015 bình quân đạt 17,3 tiêu chí/xã, tăng 11,8 tiêu chí so với trước khi triển khai).

Xây dựng nông thôn mới (NTM) là chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng và sự đồng thuận thống nhất cao của nhân dân. Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện.

NTM đã hình thành trên thực tế, đáp ứng nguyện vọng người dân nông thôn, ngày càng thu hút sự tham gia của người dân, các doanh nghiệp nhờ đó huy động được nguồn lực rất lớn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung của Chương trình. Bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình được hình thành khá đồng bộ; nhiều cơ chế chính sách được ban hành có tác dụng thiết thực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ triển khai. Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” do Thủ tướng Chính phủ phát động đã có tác động đến sự quan tâm, hỗ trợ nguồn lực cao và động viên tinh thần của toàn xã hội đối với nông dân, nông thôn. Hệ thống thông tin tuyên truyền về nông thôn mới hoạt động phong phú, liên tục đã động viên kịp thời đến phong trào xây dựng NTM. Nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng NTM đã có chuyển biến rõ rệt. Xây dựng NTM đã trở thành phong trào rộng khắp trong toàn tỉnh. Dân chủ cơ sở được nâng cao hơn, ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân từng bước được nâng lên rõ rệt. Qua đó đã phát huy được nhiều cách làm sáng tạo góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng NTM. Bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao.

Tuy nhiên, chưa đạt được mục tiêu đến năm 2015 có 35 xã (29,6%) đạt tiêu chí NTM như Nghị quyết số 05-NQ/TU đề ra (đến cuối năm 2015 mới có 18 xã, đạt 16,1% và đến tháng 5/2016 mới có 24 xã, đạt 20,3%). Một số tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa, trường học, môi trường đạt thấp. Bộ mặt nông thôn và đời sống của một bộ phận dân cư ở vùng bãi ngang ven biển, vùng biên giới hải đảo còn khó khăn. Nhiều xã mới tập trung chủ yếu cho phát triển cơ sở hạ tầng, các nội dung về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức.

Sản xuất có chuyển biến nhưng vẫn còn manh mún, khó áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chưa tháo gỡ được những khó khăn về tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, thu nhập và đời sống của người dân nông thôn chưa được cải thiện đáng kể. Tiêu chí thu nhập và giảm nghèo chưa vững chắc. Môi trường nông thôn đang là vấn đề bức xúc hiện nay, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân cũng như mục tiêu phát triển nền nông nghiệp sạch.

Nếp sống văn minh, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao ở khu vực nông thôn chậm được cải thiện (dưới 20% số người thường xuyên tập thể dục, thể thao; dưới 10% tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ); chất lượng gia đình văn hóa, làng văn hóa ở nhiều nơi chưa đảm bảo, một số tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu vẫn chưa có xu hướng giảm.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn chỉ mới đáp ứng cho tình hình tự sản xuất, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao.

Vốn đầu tư thực hiện Chương trình chưa tương xứng với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Mặc dù đã tạo thành phong trào, góp sức xây dựng NTM với cơ chế phân cấp tối đa cho cộng đồng và người dân đã sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, tiết kiệm được nguồn lực rất lớn nhưng vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho Chương trình còn rất hạn chế.

Một số cấp ủy, chính quyền địa phương từng lúc từng nơi chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của chương trình MTQG xây dựng NTM, thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng NTM tỉnh Kiên Giang có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Đến năm 2020 có 61 xã (51%) và có 03 huyện đạt chuẩn NTM.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Hàng năm tăng ít nhất 9-10 xã đạt chuẩn NTM, đến năm 2020 toàn tỉnh có 61/118 xã đạt chuẩn nông thôn mới (51%, tăng thêm ít nhất 43 xã so năm 2015), có thêm huyện Gò Quao, huyện Vĩnh Thuận và khuyến khích huyện Giồng Riềng, Kiên Lương phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Giang Thành và thị xã Hà Tiên đạt 100% số xã đạt chuẩn. Các xã nâng lên ít nhất 5 tiêu chí và tối thiểu mỗi xã đạt từ 11 tiêu chí trở lên, toàn tỉnh bình quân đạt 16,6 tiêu chí/xã, các xã đã đạt chuẩn tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí.

Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học các cấp, trạm y tế xã, nhà văn hóa và khu thể thao ấp....

Nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân, thu nhập bình quân tăng 1,8 lần so năm 2015 (khoảng 50 triệu đồng/người/năm), 80% đường liên ấp nhựa hóa hoặc bê tông hóa, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1-1,5%/năm, riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm tỷ lệ hộ nghèo 2%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ tham gia bảo hiểm y tế trên 85%; tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95% (trong đó trên 65% tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn Bộ Y tế); 99% hộ sử dụng điện an toàn; giải quyết việc làm từ 35.000-40.000 lao động/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%; 100% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được học tại các cơ sở giáo dục mầm non, huy động 99,7% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, 90% học trung học cơ sở, 80% học trung học phổ thông.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1 Quán triệt sâu sắc hơn nữa ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về

nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ tỉnh.

2.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò Mặt trận, các Đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn.

Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối chương trình NTM các cấp. Bố trí cán bộ công chức chuyên trách Văn phòng điều phối các cấp, cán bộ chuyên trách cấp xã theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để làm tốt công tác giúp Ban Chỉ đạo các cấp triển khai thực hiện chương trình ở địa phương.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp, nhất là cấp cơ sở. Tiếp tục thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU ngày 08/3/2013 của Tỉnh ủy “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ở nông thôn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng NTM đến năm 2020”.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của UBND các cấp và các sở, ngành. Cụ thể hóa kịp thời các chủ trương nghị quyết của các cấp ủy đảng. Trong chỉ đạo điều hành gắn với kiểm tra, giám sát thường xuyên. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính... Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “một cửa” ở từng địa phương, đơn vị. Tăng cường công tác giáo dục, nâng lên trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

Thực hiện công tác đào tạo cán bộ các cấp để đạt chuẩn theo quy định. Từng xã, ấp, tổ nhân dân tự quản xây dựng các nội quy, quy ước thực hiện nếp sống văn minh, phòng chống các tệ nạn xã hội... giữ vững an ninh, quốc phòng, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

Mở rộng dân chủ, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy vai trò nòng cốt và nâng cao chất lượng hoạt động của mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo thuận lợi để người dân tham gia giám sát các hoạt động xây dựng nông thôn mới.

2.3 Thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới

Rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng quy hoạch, đề án xã nông thôn mới phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn; gắn quy hoạch cấp xã với quy hoạch huyện và tỉnh.

Chú trọng thực hiện nội dung phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gắn với giảm nghèo bền vững. Ưu tiên thực hiện điện khí hóa, cơ giới hóa, hợp tác hóa; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông lâm ngư nghiệp. Phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, các hình thức liên kết, hợp tác gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi, đảm bảo phát triển hàng hóa bền vững, hiệu quả. Tạo cơ chế chính sách thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, tham gia xây dựng NTM.

Quan tâm chỉ đạo tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân thực hiện các nội dung về phát triển văn hóa xã hội, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn. Xây dựng các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp, tình làng nghĩa xóm; xây dựng áp văn hoá, xã văn hóa, bảo vệ môi trường nông thôn xanh sạch đẹp.

2.4 Huy động các nguồn lực xã hội và cân đối nguồn lực, đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Ngân sách Nhà nước 30% bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương các cấp (hỗ trợ trực tiếp và lồng ghép thông qua các Chương trình, dự án);

- Tín dụng: 45%;
- Doanh nghiệp: 15%;
- Huy động người dân và cộng đồng: 10%.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (tiêu chí 1)

1.1. Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2018 có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 1 về quy hoạch và thực hiện quy hoạch. Cơ bản hoàn thành 6 loại công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu trên cơ sở ưu tiên cho các xã gồm: Giao thông, điện, nước sạch, trường học các cấp, trạm y tế, nhà văn hóa và khu thể thao áp nhằm tạo sự đột phá diện mạo nông thôn, cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho cư dân nông thôn.

1.2. Nội dung thực hiện: Rà soát, điều chỉnh bổ sung hoàn thành quy hoạch nông thôn mới; các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp cấp xã, huyện; bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt từng địa phương. Điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch xã NTM đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn mới phát triển đô thị.

2. Phát triển hạ tầng, kinh tế xã hội

2.1. Giao thông nông thôn (tiêu chí 2)

2.1.1. Mục tiêu: Cơ bản hoàn thành kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông nông thôn.

2.1.2. Nội dung thực hiện: Hoàn thiện hệ thống đường giao thông đến trung tâm xã và đường trục ấp, đường trục chính nội đồng, cơ bản hoàn thành hệ thống đường xóm.

2.2. Thủy lợi (tiêu chí 3)

2.2.1. Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 85% số xã đạt chuẩn tiêu chí 3.

2.2.2. Nội dung thực hiện: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng đáp ứng nhu cầu dân sinh và quy định về phòng chống thiên tai, đảm bảo phục vụ tưới tiêu chủ động trên 80% diện tích đất sản xuất.

2.3 Điện nông thôn (tiêu chí 4)

2.3.1. Mục tiêu: Đến năm 2020 phấn đấu 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện.

2.3.2. Nội dung thực hiện: Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã đáp ứng yêu cầu tiêu chí.

2.4 Trường học (tiêu chí 5)

2.4.1. Mục tiêu: Đến năm 2020 có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học.

2.4.2. Nội dung thực hiện: Xây dựng hoàn chỉnh các công trình đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Hỗ trợ xây dựng trường mầm non cho các xã thuộc vùng khó khăn chưa có trường mầm non công lập.

2.5 Cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí 6)

2.5.1. Mục tiêu: Đến năm 2020 có ít nhất 75% xã đạt chuẩn tiêu chí này (trong đó có 80% số xã có nhà văn hóa khu thể thao xã, 100% số ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao cộng đồng).

2.5.2. Nội dung thực hiện: Cơ bản hoàn thành cơ sở vật chất nhà văn hóa, khu thể thao áp dụng, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn ấp; nhà văn hóa, thể thao xã (ưu tiên cho xã đăng ký về đích 2020).

2.6 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tiêu chí 7)

2.6.1. Mục tiêu: Đến năm 2020 có ít nhất 75% xã đạt chuẩn tiêu chí này.

2.6.2. Nội dung thực hiện: Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân.

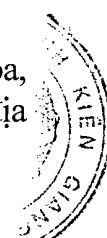
2.7 Bưu điện (tiêu chí 8)

2.7.1. Mục tiêu: Đến năm 2020 phấn đấu có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về bưu điện.

2.7.2. Nội dung thực hiện: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở. Nâng cấp, thiết lập mới hệ thống loa phát thanh trên địa bàn, đảm bảo 100% xã có hệ thống loa phát thanh đến từng ấp, khu dân cư.

2.8 Nhà ở dân cư (tiêu chí 9)

2.8.1 Mục tiêu: Đến năm 2020 phấn đấu 75% số xã đạt chuẩn.



2.8.2. Nội dung thực hiện: Hoàn thiện hệ thống theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn. Đảm bảo không còn nhà tạm, dột nát; tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn quy định trên 70%.

3. Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

3.1 Thu nhập (tiêu chí 10)

3.1.1 Mục tiêu: Đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập.

3.1.2 Nội dung thực hiện: Chú trọng phát triển ngành nghề phi nông nghiệp đặc biệt là các làng nghề; Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào tất cả các ngành nghề, đặc biệt là sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp... gắn với hiện đại hóa thủy lợi và cơ giới hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng năng suất và lợi nhuận; triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị.

3.2 Tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chí 11)

3.2.1 Mục tiêu: Đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1-1,5%/năm (riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm 2%/năm) theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020.

3.2.2 Nội dung thực hiện: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập và từng bước nâng cao mức sống của người dân ở địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở các vùng nghèo.

3.3 Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên (tiêu chí 12)

3.3.1 Mục tiêu: Đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn.

3.3.2 Nội dung thực hiện: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nghề phù hợp từng ngành, từng lĩnh vực gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Đến năm 2020 có 50% lao động nông thôn có bằng cấp, chứng chỉ nghề.

3.4 Hình thức sản xuất (tiêu chí 13)

3.4.1 Mục tiêu: Đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn.

3.4.2 Nội dung thực hiện: Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng tập trung chỉ đạo phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg, chú trọng việc xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, môi trường

4.1 Giáo dục (tiêu chí 14)

4.1.1 Mục tiêu: Đến năm 2020 có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục, trong đó có trên 95% xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức 2 và 99,5% xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng theo độ tuổi.

4.1.2. Nội dung thực hiện: Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi ở các vùng được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 02 buổi/ngày; Xóa mù chữ và chống tái mù chữ (95% xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức 2); trên 99,5% đơn vị cấp xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi quy định, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn.

4.2 Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn (tiêu chí 15)

4.2.1. Mục tiêu: Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn. Đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn tiêu chí 15 về y tế (trong đó có 90% trạm y tế xã có đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, trên 85% người dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi dưới 20,5%).

4.2.2. Nội dung thực hiện: Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trong đó ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, hải đảo, các xã thuộc vùng khó khăn và nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu tiêu chí.

4.3 Đời sống văn hóa nông thôn (tiêu chí 16)

4.3.1. Mục tiêu: Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần nông thôn, tạo động lực cho xây dựng nông thôn mới; ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội. Phấn đấu đến 2020 có 90% số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa.

4.3.2. Nội dung thực hiện: Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao thiết thực với người dân ở các ấp, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn nông thôn. Với các xã đăng ký về đích năm 2020 cần tạo điều kiện hoàn thành hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao xã. Tổ chức hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ tại ấp, xây dựng và nhân rộng các mô hình lành mạnh hóa việc cưới, việc tang, chống hủ tục lạc hậu; mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự xã hội ở ấp, xóm.

4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm (tiêu chí 17)

4.4.1. Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2020 có 70% số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm. Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân, có từ 95% hộ gia đình có sử dụng nước hợp vệ sinh (trong đó có 65% số hộ trở lên được sử dụng nước sạch theo quy định); 100% điểm trường học và trạm y tế xã có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh; có từ 70% hộ trở lên có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ); 100% hộ chăn nuôi, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề, nuôi trồng thủy sản,... tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

4.4.2. Nội dung ưu tiên thực hiện: Tập trung giải quyết vấn đề bức xúc về môi trường nông thôn trong quá trình phát triển sản xuất và công nghiệp hóa về cung cấp nước sạch, thu gom xử lý chất thải (rác thải, nước thải,...) sinh hoạt, xử lý môi trường trong sản xuất (thuốc bảo vệ thực vật, nước thải chăn nuôi...) và xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Xây dựng các mô hình thí điểm về xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt phù hợp với các khu vực trên cơ sở áp dụng công nghệ tiên tiến.

5. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, giữ gìn an ninh trật tự

5.1 Hệ thống chính trị vững mạnh (tiêu chí 18)

5.1.1. Mục tiêu: Đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí 18.

5.1.2. Nội dung thực hiện: Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ. Cải thiện nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công. Thực hiện cuộc vận động gia đình “5 không 3 sạch”. Đánh giá công nhận xây dựng xã tiếp cận pháp luật, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân.

5.2. Giữ gìn an ninh trật tự xã hội (tiêu chí 19)

5.2.1. Mục tiêu: Đến năm 2020 có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí 19.

5.2.2. Nội dung thực hiện: Đầu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn an ninh, trật tự xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư, xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nhất là các xã vùng biên giới hải đảo đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia.

6. Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, truyền thông về xây dựng nông thôn mới

6.1. Mục tiêu: Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Phấn đấu có 70% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; Phấn đấu 100% cán bộ chuyên trách nông thôn mới các cấp, 70% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo xây dựng nông thôn mới được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức.

6.2. Nội dung thực hiện: Tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng và người dân, nhất là các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa để hiểu đầy đủ hơn về nội dung, phương pháp, cách làm nông thôn mới. Tăng cường tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp (nhất là cán bộ huyện, xã, ấp và lãnh đạo các Hợp tác xã, Tổ hợp tác). Thực hiện giám sát và đánh giá Chương trình dựa trên kết quả nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với sở ban ngành cấp tỉnh

1.1 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Văn phòng Điều phối NTM tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn thực hiện Chương trình hàng năm theo kế hoạch trung hạn của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Trên cơ sở chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ và nguồn vốn ngân sách hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án giao chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể cho các huyện, xã thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất tình hình sử dụng nguồn vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình trên địa bàn tỉnh theo từng nội dung, lĩnh vực để báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

1.2 Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Văn phòng Điều phối NTM tỉnh thẩm định nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm tham mưu Ban Chỉ đạo trình Hội đồng nhân dân quyết định.

1.3 Sở Tài chính

- Chủ trì thẩm định, bố trí vốn sự nghiệp của Chương trình.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình UBND tỉnh.

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí của Chương trình.

1.4 Các sở, ngành được phân công

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do sở, ngành quản lý, chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách gắn với chương trình và kế hoạch phát triển của sở, ngành; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở:

a) Mức độ đạt tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 và nhu cầu vốn, cơ cấu nguồn vốn, trong đó làm rõ nhu cầu vốn ngân sách nhà nước các cấp để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã xác định.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện hoàn thành tiêu chí, chỉ tiêu của ngành phụ trách. Thực hiện đầy đủ chế độ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công.

1.5 Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các đoàn thể chính trị - xã hội triển khai và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” do Mặt trận chủ trì; Xây dựng gia đình “5 không 3 sạch” và phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” ...; xây dựng và nhân rộng mô hình khu dân cư bảo vệ môi trường, mô hình đảm bảo an ninh trật tự trong cộng đồng dân cư.

1.6 Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các địa phương được phân công thực hiện chương trình; thúc đẩy việc hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 và thực hiện tốt tiêu chí, chỉ tiêu của sở, ngành trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Tổ chức triển khai chương trình trên địa bàn; Khẩn trương kiện toàn Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành theo từng tiêu chí;

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng cấp huyện và chỉ đạo các xã rà soát, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch nông thôn mới cấp xã phù hợp với quy hoạch xây dựng của huyện;

- Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện;

- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện (giao thông, thuỷ lợi, điện...) đảm bảo kết nối đồng bộ với cơ sở hạ tầng của các xã trên địa bàn;

- Chỉ đạo và phân công các phòng, ban cấp huyện trực tiếp hỗ trợ các xã để triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Quy hoạch và thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo hướng liên kết chuỗi giá trị phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện chương trình, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo tỉnh, Trung ương.

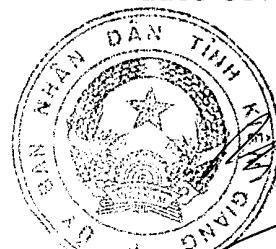
Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020 của Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia tỉnh, yêu cầu các sở, ngành và địa phương tổ chức thực hiện tốt kế

hoạch đã đề ra; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời cho Ban Chỉ đạo (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) để có hướng xử lý kịp thời./.Đoàn

Noi nhận:

- TT Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các thành viên BCĐ tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- VPĐP NTM các huyện, thị xã, TP;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc (01b).

TRƯỞNG BAN



CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm Vũ Hồng

